

Số: 63 /GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 10 tháng 04 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 04 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ và đề nghị của Công ty TNHH Kyung Sung Polytech Việt Nam tại Văn bản số 022022/CV-KSPV ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc đề nghị thẩm định báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường và Văn bản số 12/2023/KDPV ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Dự án Nhà máy sản xuất chất dẻo Polyurethane Kyung Sung Việt Nam công suất 9.000 tấn/năm tại lô số 36-4, 36-5, 36-12a, 36-12b Khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 9969./TTr-STNMT ngày 29 tháng 12 năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Kyung Sung Polytech Việt Nam địa chỉ tại Khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất chất dẻo Polyurethane Kyung Sung Việt Nam công suất 9.000 tấn/năm (sau đây gọi tắt là Dự án) tại lô số 36-4, 36-5, 36-12a, 36-12b Khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất chất dẻo Polyurethane Kyung Sung Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: tại lô số 36-4, 36-5, 36-12a, 36-12b Khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

1.3 Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tại mã số dự án 3222317305 ngày 19/5/2015 chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 28/3/2019 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một

thành viên mã số doanh nghiệp 3901205209 ngày 19/5/2015 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 30/10/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp.

1.4. Mã số thuế: 3901205209.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất chất dẻo Polyurethane.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích: 12.000 m²

- Quy mô, công suất: sản xuất chất dẻo Polyurethane 9.000 tấn/năm (giai đoạn 1: 4.000 tấn/năm, giai đoạn 2: 5.000 tấn/năm).

- Dự án thuộc nhóm II theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Công ty TNHH Kyung Sung Polytech Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Kyung Sung Polytech Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Công khai Giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty TNHH Kyung Sung Polytech Việt Nam hoặc tại trụ sở UBND xã Phước Đông; thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án nâng công suất Nhà máy sản xuất chất dẻo Polyurethane Kyung Sung Việt Nam của Công ty TNHH Kyung Sung Polytech Việt Nam hết hiệu lực kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh chủ trì phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế, các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT;
- Ct, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- BQLKKT;
- UBND huyện Gò Dầu;
- UBND xã Phước Đông;
- Cty TNHH Kyung Sung Polytech Việt Nam;
- Đăng tải trang thông tin điện tử;
- LDVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Chiến

Phụ lục 1
THỰC HIỆN CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT-UBND
ngày ... tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Nước thải sau xử lý sơ bộ được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phước Đông, không xả ra môi trường.

- Đã thỏa thuận đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phước Đông theo các Văn bản đã ký giữa Chủ dự án đầu tư và Đơn vị kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp bao gồm: Hợp đồng thuê lại đất số 05/SVI.HĐ.2015 ngày 01/07/2015 tại Khu công nghiệp Phước Đông; Hợp đồng xử lý nước thải số 43/2016/HĐ-SVI ngày 21/03/2016.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên với lưu lượng lớn nhất là 10 m³/ngày.đêm được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, số lượng 01 bể, thể tích 30 m³. Nước thải sinh hoạt sau các bể tự hoại được thu gom bằng đường ống nhựa uPVC D110 đầu nối vào hố gas A71 (tên đường D14) thuộc hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp.

- Nguồn số 02: nước thải sản xuất phát sinh từ hệ thống làm mát (chiller) với lưu lượng lớn nhất là 01 m³/ngày.đêm được thu gom bằng đường ống nhựa uPVC D110 đầu nối vào hố gas A71 (tên đường D14) thuộc hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp.

- Số điểm đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp: 01 điểm.

- Tọa độ vị trí hố ga đầu nối: X=1230922; Y=591954 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°).

- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu tiếp nhận nước thải dầu vào Khu công nghiệp Phước Đông.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Quy trình xử lý: nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà vệ sinh → Bể tự hoại 3 ngăn.

- + Công trình xử lý nước thải gồm có: 01 bể tự hoại có thể tích 30 m³
- + Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng hóa chất.
- Nước thải sản xuất:
- + Quy trình xử lý: nước thải sản xuất phát sinh từ hệ thống làm mát (chiller) → Hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Phước Đông.
- + Công trình xử lý nước thải: không.
- + Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng hóa chất

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục nước thải theo quy định tại Khoản 2, Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đường ống cấp, thoát nước có đường cách ly an toàn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.
- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.
- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại; bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của Dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Công ty cổ phần đầu tư Sài Gòn VRG, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành thường xuyên và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom và xử lý nước thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phước Đông để tiếp tục xử lý trước khi xả ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số .6.3...../GPMT-UBND
ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: bụi, khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu DO để vận hành lò hơi số 1 công suất 1 tấn hơi/giờ.
- Nguồn số 02: bụi, khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu DO để vận hành lò hơi số 2 công suất 1 tấn hơi/giờ.
- Nguồn số 03: khí thải từ quá trình vận hành bồn phản ứng 8.000 kg.
- Nguồn số 04: khí thải từ quá trình vận hành bồn phản ứng 7.000 kg.
- Nguồn số 05: khí thải từ quá trình vận hành bồn phản ứng 7.000 kg.
- Nguồn số 06: khí thải từ quá trình vận hành bồn phản ứng 5.000 kg.
- Nguồn số 07: khí thải từ quá trình vận hành bồn khuấy nhũ tương 10.000 kg.
- Nguồn số 08: khí thải từ quá trình vận hành bồn phản ứng 8.000 kg

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: tại 01 ống thoát khí thải sau lò hơi của nguồn số 01. Tọa độ vị trí xả khí thải: X=1230352; Y=592140
- Dòng khí thải số 02: tại 01 ống thoát khí thải sau lò hơi của nguồn số 02. Tọa độ vị trí xả khí thải: X=1230355; Y=592142
- Dòng khí thải số 02: tại 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải hơi dung môi của nguồn số 03, 04, 05, 06, 07, 08. Tọa độ vị trí xả khí thải: X=1230866; Y= 591973

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°30', múi chiều 3°).

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Dự án tại lô số 36-4, Khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 6.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 6.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 03: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 10.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Nguồn số 01: khí thải được xả thải ra môi trường theo phương thức cưỡng bức bởi quạt hút, xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục khi hoạt động.

- Nguồn số 02: khí thải được xả thải ra môi trường theo phương thức cưỡng bức bởi quạt hút, xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục khi hoạt động.

- Nguồn số 03: các chụp hút được lắp tại vị trí các nguồn thải, các đường ống dẫn khí từ chụp hút thu được về hệ thống xử lý tập trung. Khí thải được xả thải ra môi trường theo phương thức cưỡng bức bởi quạt hút, xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cột B QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, hệ số $K_p = 1,0$, $K_v = 1,0$ và QCVN 20:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

- Dòng khí thải số 01, 02: đạt cột B QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, hệ số $K_p = 1,0$, $K_v = 1,0$.

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc định kỳ, quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	P<50.000	6 tháng/ lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200		
3	NO _x	mg/Nm ³	850		
4	SO ₂	mg/Nm ³	500		
5	CO	mg/Nm ³	1.000		

- Dòng khí thải số 03: QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc định kỳ, quan trắc tự động, liên tục
1	Toluen	mg/Nm ³	750	6 tháng/ lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).
2	Toluen -2,4-Diisocyanate	mg/Nm ³	0,7		
3	Dimethyl Fomamide	mg/Nm ³	60		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 01: tại buồng đốt nhiên liệu DO của lò hơi số 1 công suất 1 tấn hơi/giờ được thu gom bằng quạt hút, đảm bảo đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT với hệ số $k_p = 1,0$ và $k_v = 1,0$ - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi xả ra môi trường qua ống thoát khí thải có đường kính 0,35 m, cao 10m so mặt đất.

- Nguồn số 02: tại buồng đốt nhiên liệu DO của lò hơi số 2 công suất 1 tấn hơi/giờ được thu gom bằng quạt hút, đảm bảo đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT với hệ số $k_p = 1,0$ và $k_v = 1,0$ - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi xả ra môi trường qua ống thoát khí thải có đường kính 0,35 m, cao 10m so mặt đất.

- Nguồn số 03: tại các bồn phản ứng và bồn khuấy nhũ tương, các chụp hút được lắp tại vị trí các nguồn thải, các đường ống dẫn khí từ chụp hút thu được dẫn về hệ thống xử lý khí thải để xử lý đạt QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ trước khi thoát ra 01 ống thoát khí thải cao 5m so mặt đất.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải của 02 lò hơi (công suất mỗi lò hơi 1 tấn hơi/giờ) (dòng khí thải số 01, 02)

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Bụi, khí thải lò hơi 1 → Hệ thống ống dẫn → Quạt hút 1 → Ống thoát khí đường kính 350mm, cao 10 m.

+ Bụi, khí thải lò hơi 2 → Hệ thống ống dẫn → Quạt hút 2 → Ống thoát khí đường kính 350mm, cao 10 m.

- Công suất thiết kế: 6.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng hóa chất

1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải của hơi dung môi (dòng khí thải số 03)

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Khí thải từ bồn phản ứng 8.000 kg → Hệ thống ống dẫn (1).

+ Khí thải từ bồn phản ứng 7.000 kg → Hệ thống ống dẫn (2).

+ Khí thải từ bồn phản ứng 7.000 kg → Hệ thống ống dẫn (3).

+ Khí thải từ bồn phản ứng 5.000 kg → Hệ thống ống dẫn (4).

+ Khí thải từ bồn phản ứng 10.000 kg → Hệ thống ống dẫn (5).

+ Khí thải từ bồn phản ứng 8.000 kg → Hệ thống ống dẫn (6).

(1)+(2)+(3)+(4)+(5)+(6) → quạt hút → Tháp hấp thụ (chất hấp thụ là than hoạt tính) → Ống thoát khí đường kính 400mm, cao 5 m.

- Số lượng: 01 hệ thống

- Công suất thiết kế: 10.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: sử dụng than hoạt tính để hấp thụ hay phụ

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đào tạo các kiến thức về nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn;

- Hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản;

- Nếu sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì Công ty ngừng hoạt động tại các công đoạn có phát sinh khí thải, bụi để sửa chữa, khắc phục đến khi sự cố được khắc phục và sửa chữa xong sẽ tiếp tục vận hành để phục vụ sản xuất.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điểm b, Khoản 6, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

01 Hệ thống xử lý hơi dung môi công suất 1 tấn hơi/giờ (dòng khí thải số 03), công suất 10.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/06/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại mục 2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm các hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: tối thiểu 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích

mẫu tổ hợp đầu vào (nếu có) và tổ hợp mẫu đầu ra).

- Giai đoạn vận hành ổn định: ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn hoặc mẫu được lấy bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả thải ra ngoài môi trường) trong ít nhất 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại 2.2 Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành thường xuyên và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Có Sổ nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý bụi, khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Khoản 5, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT-UBND
 ngày 01 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: từ hoạt động của động cơ bồn phản ứng 8.000 kg;
- Nguồn số 02: từ hoạt động của động cơ bồn phản ứng 7.000 kg;
- Nguồn số 03: từ hoạt động của động cơ bồn phản ứng 7.000 kg;
- Nguồn số 04: từ hoạt động của động cơ bồn phản ứng 5.000 kg;
- Nguồn số 05: từ hoạt động của động cơ bồn khuấy nhũ tương 10.000 kg;
- Nguồn số 06: từ hoạt động của động cơ bồn phản ứng 8.000 kg;
- Nguồn số 07: từ hoạt động của lò hơi số 1;
- Nguồn số 08: từ hoạt động của lò hơi số 2;
- Nguồn số 09: từ hoạt động của hệ thống xử lý hơi dung môi.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí số 01 (tương ứng nguồn số 01): tọa độ X= 1230870; Y= 591964
- Vị trí số 02 (tương ứng nguồn số 02): tọa độ X= 1230866; Y= 591966
- Vị trí số 03 (tương ứng nguồn số 03): tọa độ X= 1230862; Y= 591968
- Vị trí số 04 (tương ứng nguồn số 04): tọa độ X= 1230858; Y= 591970
- Vị trí số 05 (tương ứng nguồn số 05): tọa độ X = 1230854; Y= 591972
- Vị trí số 06 (tương ứng nguồn số 06): tọa độ X= 1230845; Y= 591977
- Vị trí số 07 (tương ứng nguồn số 07): tọa độ X=1230352; Y=592140
- Vị trí số 08 (tương ứng nguồn số 08): tọa độ X=1230355; Y=592142
- Vị trí số 98 (tương ứng nguồn số 09): tọa độ X=1230866; Y= 591973

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°30', múi chiếu 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

+ Áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn; bố trí khoảng cách, trồng cây xanh theo hướng gió thịnh hành.

+ Cách ly, bao kín các nguồn ồn bằng vật liệu kết cấu hút âm, cách âm phù hợp.

+ Trang bị bảo hộ lao động (nút tai chống ồn, bịt tai) cho công nhân làm việc tại các khu vực có độ ồn cao.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

+ Bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng các vật liệu hút hoặc giảm rung động có ma sát lớn như cao su, vòng phớt...

+ Sử dụng các thiết bị phòng hộ cá nhân như giày chống rung có đế bằng cao su hoặc gang tay đặc biệt có lớp lót dày bằng cao su tại lòng bàn tay khi làm việc với máy móc có độ rung lớn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT-UBND
ngày ... tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

Stt	Loại chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/tháng)	Ký hiệu
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	08 02 04	20	KS
2	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	200	NH
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thuỷ tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	60	NH
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	Lỏng	17 02 03	220	NH
5	Bao bì mềm (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	500	KS
6	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	18 01 02	180.000	KS
7	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	12.000	KS
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giặt lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	5.000	KS
9	Hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	Lỏng	19 05 02	40.000	KS
10	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác	Lỏng	17 08 03	2.000	NH
Tổng				238.820	

Đối với chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát: Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	20.000
	Tổng khối lượng	20.000

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Sử dụng thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo điều kiện kín, khít đối với các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại ở dạng lỏng.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho: 170 m², được ngăn thành 2 phòng riêng biệt.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Kho được xây tường gạch, mái tôn; nền bê tông chống thấm, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có khay hứng chất lỏng rơi vãi, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với các loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.1.3. Biện pháp xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Các thùng nhựa có nắp đậy.

2.2.2. Biện pháp xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động. Lắp đặt máy móc thiết bị và vận hành



Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:

- Hóa chất được lưu trữ riêng biệt trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống thấm và rãnh thu gom hóa chất tràn đổ, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng phó sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheet) của hóa chất và tuân thủ các quy định an toàn trong quá trình vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất của Nhà máy theo quy định.

- Về kho chứa hóa chất: thiết kế kho chứa hóa chất đảm bảo theo đúng quy định tại Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 08/10/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và các yêu cầu về kho chứa quy định tại Mục 5 QCVN 05:2020/BCT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Dự án đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT-UBND
ngày ...tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không có.

D. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất được xử lý đạt yêu cầu tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Phước Đông sau đó thu gom, dẫn nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp. Tuyệt đối không được xả nước thải xử lý chưa đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

- Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của Dự án đảm bảo xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT với các hệ số $k_p = 1,0$ và $k_v = 1,0$; QCVN 20:2009/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT đáp ứng các yêu cầu về độ ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thường xuyên theo dõi chất lượng nước thải của Dự án sau xử lý để kiểm soát chất lượng nước thải từ quá trình hoạt động của Dự án theo đúng quy định.

- Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Dự án theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

- Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện Dự

án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

- Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên.

- Thực hiện công khai thông tin môi trường của Dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: Công khai phiếu kết quả quan trắc chất thải của kỳ quan trắc gần nhất trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc công khai trên bảng thông tin điện tử đặt tại cổng Nhà máy. Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi có kết quả quan trắc chất thải định kỳ cho đến thời điểm công khai kết quả quan trắc định kỳ mới theo quy định./.